

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2023

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Quang;

2. Bà Trần Thiệu Huệ Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Minh N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Trúc P trình bày:**

Vào năm 2017, chị và anh N tự nguyện quen biết do cùng đi làm chung công ty, quen được vài tháng thì anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào năm 2017, sau khi kết hôn chị và anh N về chung sống bên gia đình anh N tại ấp Đ, xã S, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, sống chung được khoảng 01 năm thì chị mang bầu, chị phát hiện anh N ngoại tình, anh N có xin lỗi, rồi anh chị hàn gắn sống chung thêm khoảng 4 năm, quá trình chung sống cũng có mâu thuẫn nhưng hàn gắn được, nhưng đến giữa năm năm 2022 đến nay thì anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, lý do anh N ham chơi cờ bạc, không lo cho con cái, nợ nần nhiều người, số nợ hiện nay trên 200.000.000 đồng, người ta tới nhà đòi nợ nhiều

lần, hiện nay anh N đã bỏ địa P đi do cò bạc khoảng 2 tuần, khi nào anh N cần gọi về thì mới gặp được anh N, còn nếu chị muốn liên lạc với anh N thì không được do anh N khóa điện thoại, do quá trình chung sống xảy ra những mâu thuẫn nêu trên, chị có khuyên ngăn anh N nhiều lần nhưng không được, anh N kêu chị cứ nộp đơn ly hôn, anh N không về thì tự Tòa giải quyết, nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không đạt được mục đích, nếu tiếp tục kéo dài cũng không thể thay đổi được tình trạng này, chị đã hết tình cảm với anh N, xin ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh L, sinh ngày 23/8/2018, đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

*** Bị đơn anh Trần Minh N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc P.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Trúc P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trúc P có đơn xin vắng mặt, anh Trần Minh N được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh Trần Minh N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N tự nguyện cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, hôn nhân của anh N và chị P là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N ham mê cờ bạc dẫn tới nợ nần, đã bỏ đi, anh chị cũng đã ly thân, hiện nay chị P cũng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Thấy rằng anh chị ly thân, không thể tự hàn gắn, địa P cũng xác nhận anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, hiện anh chị không còn sống chung, chị P nộp

đơn xin ly hôn với anh N tại Tòa án, Tòa án triệu tập anh N nhiều lần, anh N cũng không đến Tòa án để cùng chị P giải quyết mâu thuẫn, hòa giải, hàn gắn lại quan hệ hôn nhân của anh N và chị P. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Trần Nguyễn Minh Luân, sinh ngày 23/8/2018. Thấy rằng, cháu Luân đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu Luân cho chị P trực tiếp nuôi nhằm ổn định môi trường sống của cháu Luân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị P yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc P.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc P được ly hôn với anh Trần Minh N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Minh L, sinh ngày 23/8/2018.

Chị P cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh N thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0027180 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị P đã nộp xong án phí.

Anh N không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh N được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh